

Số: 738/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Căn cứ Luật tổ chức, chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 20/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 07/TTr-SNV ngày 12/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh năm 2024 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Chỉ số cải cách hành chính năm 2024, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính trong các năm tiếp theo.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì theo dõi kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

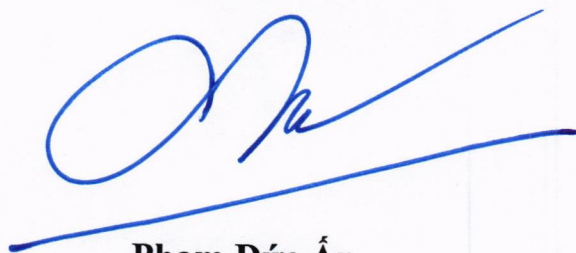
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ (*báo cáo*);
- TT TU; TT HĐND tỉnh (*báo cáo*);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0-4, NC;
- Trung tâm Thông tin VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC3.

CHỦ TỊCH



Phạm Đức Ân

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Các sở, ban, ngành

STT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học	Chỉ số CCHC năm 2024	Xếp hạng
1	Sở Nội vụ	57,39	35,92	93,31	Xuất sắc
2	Sở Khoa học & Công nghệ	54,72	36,83	91,55	Xuất sắc
3	Sở Kế hoạch & Đầu tư	55,27	36,07	91,34	Xuất sắc
4	Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn	54,8	36,05	90,85	Xuất sắc
5	Sở Công Thương	54,79	35,99	90,78	Xuất sắc
6	Sở Lao động, Thương binh & Xã hội	54,61	35,94	90,55	Xuất sắc
7	Sở Giáo dục & Đào tạo	53,77	36,47	90,24	Xuất sắc
8	Sở Xây dựng	53,85	36,24	90,09	Xuất sắc
9	Sở Thông tin & Truyền thông	54,42	35,49	89,91	Tốt
10	Sở Y tế	53,73	35,79	89,52	Tốt
11	Sở Văn hoá & Thể thao	53,69	34,38	88,07	Tốt
12	Sở Tài chính	53,14	34,51	87,65	Tốt
13	Ban Dân tộc tỉnh	50,76	35,87	86,63	Tốt
14	Thanh tra tỉnh	50,73	35,06	85,79	Tốt
15	Sở Du lịch	51,55	34,15	85,7	Tốt
16	Sở Ngoại vụ	50,59	34,83	85,42	Tốt
17	Sở Tư pháp	47,02	37,12	84,14	Tốt
18	Sở Giao thông Vận tải	46,74	36,15	82,89	Tốt
19	Sở Tài nguyên & Môi trường	46,93	34,95	81,88	Tốt
20	Ban Quản lý Khu kinh tế	39,16	33,89	73,05	Khá

2. Các huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học	Chỉ số CCHC năm 2024	Xếp hạng
1	Thành phố Hạ Long	57,3	36,38	93,68	Xuất sắc
2	Thành phố Đông Triều	58,05	34,85	92,9	Xuất sắc
3	Huyện Tiên Yên	56,77	35,85	92,62	Xuất sắc
4	Thành phố Uông Bí	56,06	36,42	92,48	Xuất sắc
5	Huyện Hải Hà	55,35	36,56	91,91	Xuất sắc
6	Huyện Cô Tô	54,79	36,24	91,03	Xuất sắc
7	Thành phố Cẩm Phả	53,62	36,4	90,02	Xuất sắc
8	Huyện Bình Liêu	54,38	35,59	89,97	Tốt
9	Huyện Ba Chẽ	53,95	34,79	88,74	Tốt
10	Huyện Đầm Hà	52,58	35,68	88,26	Tốt
11	Huyện Vân Đồn	51,66	35,23	86,89	Tốt
12	Thị xã Quảng Yên	49,44	35,97	85,41	Tốt
13	Thành phố Móng Cái	50,56	34,32	84,88	Tốt

3. Cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

STT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học	Chỉ số CCHC năm 2024	Xếp hạng
1	Kho bạc Nhà nước tỉnh	56	39,33	95,33	Xuất sắc
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	55,74	39,25	94,99	Xuất sắc
3	Công an tỉnh	54,93	38,29	93,22	Xuất sắc
4	Cục Thuế tỉnh	56,99	36,19	93,18	Xuất sắc
5	Cục Hải quan tỉnh	54,74	36,06	90,8	Xuất sắc
6	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	48,91	38,22	87,13	Tốt
7	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	47,91	38,47	86,38	Tốt
8	Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh	47,25	35,44	82,69	Tốt

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh

STT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học	Chỉ số CCHC năm 2024	Xếp hạng
1	Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển	54,55	35,47	90,02	Xuất sắc
2	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bái Tử Long	52,5	35,79	88,29	Tốt
3	Ban quản lý Vịnh Hạ Long	51,35	35,03	86,38	Tốt
4	Trường Đại học Hạ Long	49,74	34,66	84,4	Tốt
5	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	46,88	33,86	80,74	Tốt
6	Ban QLDAĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn	45,09	34,21	79,3	Khá
7	Ban QLDAĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	47,04	31,23	78,27	Khá
8	Ban QLDAĐTXD các công trình giao thông tỉnh	40,07	34,75	74,82	Khá
9	Trường Cao đẳng Việt - Hàn	37	34,82	71,82	Khá
10	Trường Cao đẳng Y tế	31,97	35,27	67,24	Trung bình